

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 01 - 2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Phạm Văn Biên

Bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nền- Kiểm sát viên.

Ngày 22/01/2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ánh T, sinh ngày 28 tháng 8 năm 1992; CCCD;; Địa chỉ ĐKHKT: Xóm 5, thôn Th, xã Ph, thành phố Hải Phòng; Tạm trú tại: TDP B, phường Nh, thành phố Hải Phòng. Chị T đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 17 tháng 6 năm 1986;CCCD; Địa chỉ ĐKHKT: Xóm 5, thôn Th, xã Ph, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 9 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ánh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau vào ngày 10 tháng 9 năm 2013 được đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã Ph, thành phố Hải Phòng) trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới, chị T và anh H chung sống cùng gia đình anh H tại Xóm 5, thôn Th, xã Ph, thành phố Hải Phòng, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, đôi bên không có tiếng chung,

thiếu sự tin tưởng và trách nhiệm đối với nhau. Năm 2020, anh Hóa xuất khẩu đi lao động tại Đài Loan, đến tháng 11/2021 chị T cũng đưa các con về nhà mẹ đẻ tại TDP B, phường Nh, thành phố Hải Phòng ở, mọi quan hệ vợ chồng hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn H không có mặt. Tòa án tiến hành làm việc cùng bà Nguyễn Thị Th (mẹ anh H) xác định cụ thể như sau: Anh Nguyễn Văn H kết hôn cùng chị Lê Thị Ánh T vào ngày 10 tháng 9 năm 2013 và được đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là xã Ph, thành phố Hải Phòng) trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới anh H và chị T ở chung cùng gia đình bà, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì anh Hóa làm thủ tục đi lao động tại Đài Loan, quá trình đó đến năm 2023 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại số nhà 20, ngõ 64, phường Nh, thành phố Hải Phòng ở. Bà cũng không biết nguyên nhân gì dẫn đến việc chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ, bà chỉ nghe mọi người nói chị T có quan hệ không đúng mực với người đàn ông khác, còn cụ thể như thế nào thì bà không rõ. Kể từ đó cho đến nay, anh H vẫn đang làm ăn tại Đài Bắc và vẫn thông tin, liên lạc về cho gia đình bà, nhưng địa chỉ cụ thể anh Hóa làm ăn ở đâu tại Đài Bắc thì gia đình bà không rõ. Nay chị T xin ly hôn, gia đình bà cũng đã thông báo cho anh H biết, nhưng anh H xác định cho đến nay tình cảm giữa anh H và chị T không còn, chị T xin ly hôn anh H nhất trí, nhưng do điều kiện làm ăn ở xa, không thể về được nên anh Hóa đề nghị TAND khu vực 10-Hải Phòng giải quyết vắng mặt anh theo quy định.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo Tr, sinh ngày 10/5/2014 và cháu Nguyễn Lê Bảo Ng, sinh ngày 06/5/2018. Hiện hai cháu đang ở cùng chị T. Nay ly hôn chị T đề nghị xin được nuôi dưỡng cả hai cháu và tự nguyện không yêu cầu anh Hóa cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Hóa nhất trí và không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con, anh Hóa tự có trách nhiệm đối với các cháu. Cháu Tr và cháu Ng cũng có nguyện vọng xin được ở cùng chị T.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu, gia đình anh Hóa cũng xác định tài sản chung, vay nợ chung giữa anh H và chị T chưa có gì, nên anh Hóa không có yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai của bà Phạm Thị Đ (mẹ đẻ chị T) thể hiện: Chị T và anh Hóa đăng ký kết hôn vào ngày 10/9/2013 tại UBND xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là xã Ph, thành phố Hải Phòng) trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới vợ chồng chị T chung sống tại gia đình anh Hóa, sau khi chị T sinh được hai con gái, mâu thuẫn vợ chồng chị T nảy sinh. Năm 2020, anh Hóa đi Đài Loan, đến tháng 11/2021 chị T đưa hai con về nhà bà ở. Nay mâu thuẫn giữa chị T và anh Hóa không thể hàn gắn được nữa, chị T xin ly hôn, bà đề

ngợi Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với việc nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của chị T, gia đình bà cũng sẽ hỗ trợ cả về tinh thần cũng như vật chất nếu trường hợp chị T chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Tại Biên bản xác minh tại địa phương xã Ph xác định: Anh Hóa và chị T đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã Ph, thành phố Hải Phòng), vào ngày 10/9/2013. Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm được, nay địa phương nắm được hiện chị T và anh H đã sống ly thân khoảng được 5-6 năm nay, chị T về nhà mẹ đẻ, còn anh H theo gia đình xác định đi làm ăn tại Đài Loan. Do vậy, chị T xin ly hôn thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Toà án tiến hành tra cứu, tại Công văn số 3948/XNC-Đ1 ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng cung cấp: Anh Nguyễn Văn Hóa, sinh ngày 17/6/1986; CCCD:030086018657; Nơi thường trú: Xóm 5, thôn Th, xã Ph, thành phố Hải Phòng. Qua kiểm tra trong CSDL hiện hành không thấy thông tin xuất nhập cảnh.

Tại phiên tòa hôm nay, các bên đều đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Đại diện VKSND khu vực 10 – Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với các đương sự cơ bản đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn anh H. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị Bảo Tr, sinh ngày 10/5/2014 và cháu Nguyễn Lê Bảo Ng, sinh ngày 06/5/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Chấp nhận sự tự nguyện của các bên về việc không yêu cầu cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lê Thị Ánh T đối với anh Nguyễn Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm 5, thôn Th, xã Ph, thành phố Hải Phòng. Qua tra cứu xác định anh Hóa không có thông tin xuất nhập cảnh nhưng địa phương và gia đình đều xác định hiện anh Hóa đang lao động tại Đài Bắc. Tòa án đã tiến hành làm việc, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định, các bên cũng đều có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng thụ lý và xét xử vắng mặt chị T và anh H là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ánh T kết hôn cùng anh Nguyễn Văn H trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị T đề nghị xin ly hôn anh H, chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, đôi bên không có tiếng nói chung, nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay chị T xin ly hôn, anh H cũng xác định tình cảm giữa hai bên thực sự không còn, các bên đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Những điều đó, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Hóa đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Lê Thị Ánh T được ly hôn anh Nguyễn Văn H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh Hóa có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo Tr, sinh ngày 10/5/2014 và cháu Nguyễn Lê Bảo Ng, sinh ngày 06/5/2018. Hiện hai cháu đang ở cùng chị T. Nay ly hôn, xét yêu cầu nuôi dưỡng con chung của các bên, phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng hiện nay, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, nên cần chấp nhận giao cả hai cháu cho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định cuộc sống cho các cháu là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Các bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết. Nếu sau này đôi bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,122 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ánh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Ánh T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo Tr, sinh ngày 10/5/2014 và cháu Nguyễn Lê Bảo Ng, sinh ngày 06/5/2018 cho chị Lê Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về chia tài sản: Không đặt ra việc giải quyết.

Nếu sau này đôi bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Ánh T phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số:0005082 ngày 27/10/2025 của Thị hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Ánh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, anh Nguyễn Văn H hóa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 10 – Hải Phòng;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn (UBND phường Hiệp Sơn, nay là phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng, số 77/2008);
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

Nguyễn Thị Hiền